

Số: 1277/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 13 tháng 4 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá nước sạch khu vực nông thôn  
trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124 /2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2011 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ: Bộ Tài chính – Bộ Xây dựng – Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/05/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 514/TTr-STC-TCDN ngày 17/02/2016 đề nghị phê duyệt giá nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, gồm những nội dung chính như sau:

**1. Giá nước sạch:**

STT	Đối tượng tiêu thụ	Giá bán phê duyệt năm 2016 (chưa có VAT)	Hệ số tính giá thực tế
1	Nước SH các hộ dân cư (m <sup>3</sup> /hộ/tháng )		
-	Dưới 10 m <sup>3</sup> /hộ/tháng	6.600	0,79
-	Từ >10-20 m <sup>3</sup> /hộ/tháng	8.200	0,98

-	Từ > 20 m <sup>3</sup> /hộ/tháng	9.500	1,13
2	Cơ quan hành chính , LL vũ trang, ĐV sự nghiệp, mục đích công cộng	10.000	1,19
4	Hoạt động SX vật chất	10.000	1,19
5	Nước kinh doanh dịch vụ	10.000	1,19
6	Bình quân	8.400	1

2. Chất lượng nước sạch: Theo tiêu chuẩn quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Thời gian thực hiện: Áp dụng thực hiện từ ngày 01/5/2016.

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật:

1. Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa có trách nhiệm tuyên truyền và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Chốt số lượng trên đồng hồ theo đơn giá cũ trước ngày 01/5/2016 và ký hợp đồng theo đơn giá mới từ ngày 01/5/2016 với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình để triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa theo chức năng, nhiệm vụ được giao, kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và chấp hành nghĩa vụ thuế của Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng và sức khỏe nhân dân.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *2/5/16*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
  - Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT;
  - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
  - UB MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
  - Các Ban HĐND tỉnh;
  - Công báo tỉnh Thanh Hóa;
  - Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
  - Lưu: VT, KTTC (HungYT 4129).
- QDKP 16-036

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**DẠPHỐ CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Thìn**